

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Lương Thị Thanh Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thân Văn Nhân

2. Ông Nguyễn Quang Kim

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn T – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Thân Thị Thu H sinh năm 1988 (có mặt)

HKTT: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn – chị Thân Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang ngày 05/02/2016. Trước khi cưới, vợ chồng chị được tìm hiểu nhau vài tháng. Sau khi cưới, chị về làm dâu gia đình nhà anh T ngay và vợ chồng chung sống cùng với mẹ anh T. Cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nợ nần nhiều, sống không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Sau khi mâu thuẫn, vợ chồng chị được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhưng không thành. Chị đã

về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2019 cho đến nay. Vợ chồng không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay, cháu H đang ở cùng chị và phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu H. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – anh Nguyễn Văn T có lời khai trình bày trong hồ sơ như sau:*

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Thân Thị Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai vợ chồng anh được tìm hiểu nhau khoảng thời gian ngắn rồi kết hôn. Sau khi cưới, chị về làm dâu gia đình nhà anh ngay và vợ chồng chung sống cùng với mẹ anh, không có thời gian nào ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ khi kết hôn đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh làm ăn thua lỗ, vợ chồng không nói chuyện, chia sẻ nên tình cảm ngày càng xa cách. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hồng Thái từ tháng 11/2019 cho đến nay. Từ khi chị H về Hồng Thái ở thì anh vẫn lên chơi và đón con nhưng vợ chồng không nói chuyện mà chủ yếu nhắn tin qua điện thoại. Anh đã nhiều lần nhắn tin khuyên nhủ chị H về đoàn tụ nhưng chị H không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay, cháu H đang ở cùng chị H và phát triển bình thường. Ly hôn, anh đồng ý để chị H nuôi cháu H. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Thân Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với anh T. Về quan hệ vợ chồng, chị xin ly hôn anh T vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/10/2016, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung vì chị hiện nay đang làm kế toán tại trường Mầm non tư thục Âu Cơ và bán hàng online, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/01 tháng, đủ điều kiện nuôi cháu H. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có lời khai trong hồ sơ, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX công bố lời khai của anh T. Chị H không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Thân Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao chị Thân Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/10/2016. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về án phí: Chị Thân Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Thân Thị Thu H xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng nên đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có địa chỉ tại thôn B, xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Thân Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đều khai anh chị kết hôn ngày 05/02/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị H cũng đã cung cấp được đăng ký kết hôn bản gốc. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị H xin ly hôn, anh T xác nhận vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Việc anh T đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc gì. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị Thân Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/10/2016. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu H. Anh T đồng ý để chị H nuôi cháu H nên cần giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Chị Thân Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Thân Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Thân Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao chị Thân Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/10/2016. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Thân Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001179 ngày 05/06/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lương Thị Thanh Quyên**

